

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Ngôn ngữ học; Chuyên ngành: Ngôn ngữ học ứng dụng

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Đoàn Thục Anh

2. Ngày tháng năm sinh: 12/12/1976; Nam ; Nữ Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Nhân Chính, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố):
503 - B1- Tập thể Đồng Xa - Mai Dịch - Cầu Giấy - Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Buru điện): Đoàn Thục Anh, Căn hộ 12A07, tòa Tòa 27A1, Chung cư Green Star - 234 Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0982129796;

E-mail: doanthucanhk12@gmail.com;

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ 5/2000 đến 7/2003: là Giảng viên Khoa tiếng Nga - Học viện Khoa học Quân sự.

- Từ 09/2003 đến 06/2006: là Chủ nhiệm Bộ môn Lý thuyết tiếng - Khoa tiếng Nga - Học viện Khoa học Quân sự, học khóa học SĐH tại ĐHNN-ĐHQGHN.

- Từ 09/2005 - 07/2006: là Chủ nhiệm Bộ môn Lý thuyết tiếng - Khoa tiếng Nga - Học viện Khoa học Quân sự, học Khóa học Nâng cao trình độ tại Viện Tiếng Nga Quốc gia mang tên Puskin - Liên bang Nga.

- Từ 09/2009 - 06/2013: là Chủ nhiệm Bộ môn Lý thuyết tiếng - Khoa tiếng Nga- Học viện Khoa học Quân sự, học khóa học NCS tại ĐHNN-ĐHQGHN.

- Từ 8/2017 - 11/2022: Phó Chủ nhiệm Khoa - Khoa tiếng Nga - Học viện Khoa học Quân sự.

- Từ 08/2018 - 11/2018: Phó Chủ nhiệm Khoa - Khoa tiếng Nga - Học viện Khoa học Quân sự, học Khóa học Nâng cao trình độ tại Viện Tiếng Nga Quốc gia mang tên Puskin - Liên bang Nga.

- Từ 12/2022 đến nay: Phó Trưởng phòng - Phòng Khoa học Quân sự - Học viện KHQS

Chức vụ hiện nay: Phó Trưởng phòng - Phòng Khoa học Quân sự - Học viện Khoa học Quân sự;

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Chủ nhiệm Khoa

Cơ quan công tác hiện nay: Học viện Khoa học Quân sự.

Địa chỉ cơ quan: 322E Lê Trọng Tấn - Phường Định Công - Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội.

Điện thoại cơ quan:

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

.....

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 17 tháng 7 năm 1998; Số văn bằng: B97205; Ngành: Tiếng Nga; Chuyên ngành: Ngôn ngữ Nga; Nơi cấp bằng Đại học: Trường Đại học Ngoại ngữ -Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng Đại học tiếng Anh ngày 06 tháng 3 năm 2001; Số văn bằng: B240729; ngành: Tiếng Anh; Nơi cấp bằng Đại học: Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 29 tháng 12 năm 2006; Số văn bằng: QM 003735; Ngành: Tiếng Nga; Chuyên ngành: Ngôn ngữ Nga; Nơi cấp bằng Thạc sĩ: Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 21 tháng 11 năm 2014; Số văn bằng: QT 000899; Ngành: Tiếng Nga; Chuyên ngành: Ngôn ngữ Nga; Nơi cấp bằng Tiến sĩ: Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Ngôn ngữ học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Định hướng nghiên cứu chuyên sâu của ứng viên bao gồm:

Thứ nhất: Ngôn ngữ học lý thuyết

Thứ hai: Ngôn ngữ học ứng dụng

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã tham gia hướng dẫn 01 NCS bảo vệ thành công và đã nhận bằng Tiến sĩ.

- Đã hướng dẫn 05 học viên cao học bảo vệ thành công, trong đó 03 học viên đã nhận bằng Thạc sĩ và 02 học viên đang chờ cấp bằng.

- Đã hoàn thành và nghiệm thu 06 nhiệm vụ NCKH cấp Ngành và cấp Học viện. Cụ thể: Chủ nhiệm 02 cấp Ngành/BTTM (nghiệm thu năm 2015, năm 2020) [II: 2], [II: 5]; Chủ nhiệm 02 đề tài cấp Học viện (Học viện Khoa học Quân sự, nghiệm thu năm 2012, 2024) [1: 1]; [II: 6]; Thành viên 02 đề tài cấp Học viện (Học viện Khoa học Quân sự, nghiệm thu năm 2015, 2016) [II: 3], [II: 4].

- Đã công bố 34 bài báo khoa học trong nước và quốc tế, trong đó: 03 bài báo quốc tế có uy tín (03 bài là tác giả chính) [II: 3], [II: 5]; [II: 7]; 02 bài báo thuộc Tạp chí Русский язык за рубежом của Viện tiếng Nga Quốc gia mang tên A.S. Puskin [II: 2]; [II: 4]; 01 bài báo thuộc Tạp chí của Trường Đại học Quốc gia Novosibirsk - Liên bang Nga [II: 6]; 05 bài báo đăng kỷ yếu hội thảo quốc tế [II: 8], [II: 9], [II: 10], [II: 11], [II: 12]; 01 bài báo đăng kỷ yếu hội thảo quốc gia [II: 13]; 22 bài báo khoa học trên tạp chí chuyên ngành uy tín trong nước: [I: 1], [II: 14] cho đến [II: 34].

- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản: 06 giáo trình [1]; [2]; [3] [4]; [6]; [12]; 02 sách chuyên khảo [13], [14]; 05 sách tham khảo: [5]; [7]; [8]; [9]; [10]; 01 Từ điển: [11], thuộc nhà xuất bản có uy tín. Xây dựng 01 chương trình đào tạo trình độ ThS chuyên ngành Ngôn ngữ Nga.

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Danh hiệu giảng viên giỏi cấp Học viện: 04 năm

- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2011-2012.

- Chiến sỹ tiên tiến: năm học 2013-2014; 2014-2015; 2015-2016; 2018-2019; 2019-2020; 2020-2021.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

**** Về phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp***

Ứng viên là giảng viên, Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, có lập trường tư tưởng vững vàng; Nghiêm chỉnh chấp hành theo quan điểm, chủ trương, đường lối, nghị quyết, và chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, cũng như quy định của Nhà trường; Có tinh thần cầu thị, không ngừng học tập rèn luyện nâng cao năng lực bản thân, luôn trau dồi kiến thức chuyên môn, luôn giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh, giản dị tác phong của nhà giáo, đảng viên Đảng Cộng Sản Việt Nam.

**** Về công tác giảng dạy***

Với cương vị là một giảng viên, ứng viên luôn cố gắng hoàn thành tốt và vượt định mức giảng dạy theo quy định của Học viện Khoa học Quân sự, Luật Giáo dục và Luật Giáo dục Đại học. Ứng viên tham gia giảng dạy các học phần liên quan tới ngôn ngữ Nga và văn hóa Nga cho bậc Cử nhân, Thạc sĩ, học viên các khóa học bồi dưỡng, nâng cao trình độ tiếng Nga tại Học viện Khoa học Quân sự và trong toàn quân. Ứng viên đã nhận chức danh Giảng viên chính ngày 24/4/2015.

Bên cạnh đó ứng viên đã tham gia hướng dẫn nhiều học viên, sinh viên nghiên cứu khoa học, làm khóa luận tốt nghiệp, hướng dẫn luận văn, luận án cho học viên cao học và nghiên cứu sinh trong và ngoài Học viện Khoa học Quân sự, tham gia hội đồng chấm luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ tại các cơ sở giáo dục trong và ngoài quân đội.

**** Về công tác nghiên cứu khoa học***

Ứng viên luôn tích cực tham gia đóng góp vào các hoạt động của cộng đồng khoa học. Ứng viên là biên tập viên của Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ Quân sự (từ khi ra đời vào năm 2016 cho đến nay); Hướng dẫn luận án TS và luận văn ThS; thực hiện đề tài; biên soạn từ điển; phản biện các đề tài khoa học, chương trình đào tạo NCS và ThS ngành Ngôn ngữ và Lý luận dạy học tiếng Nga; xây dựng ngân hàng đề thi tiếng Nga; tham gia phản biện giáo trình, tài liệu dạy học cho các nhà trường trong và ngoài quân đội.

Bên cạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng viên tích cực và chủ động tham gia các buổi tọa đàm, hội thảo khoa học các cấp.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Từ 5/2000 đến nay: 24 năm 2 tháng.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 3 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (GS chỉ khai 03 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2018 - 2019			01		402		402/402/162
2	2019 - 2020		01			456		456/456/162
3	2020 - 2021					435		435/435/162
03 năm học cuối								
4	2021 - 2022				01	205	200	405/405/154
5	2022 - 2023			02		298	110	408/408/154
6	2023 - 2024			02		376	52	428/428/70

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: **Tiếng Nga**

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước: ; Từ năm đến năm .
- Bảo vệ luận văn ThS hoặc bảo vệ luận án TS hoặc TSKH ; tại nước:
- b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:
- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH Ngoại ngữ tiếng Nga: ĐHNN-ĐHQGHN số bằng: B97205; năm cấp: 1998.
- c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:
- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Nga
- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Học viện Khoa học Quân sự - Việt Nam
- d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Bằng đại học

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thế Hùng	X			X	2017-2020	Trường ĐHNN-ĐHQGHN	29/4/2020
2	Đỗ Đức Hiếu		X	X		2020-2021	Trường ĐHNN-ĐHQGHN	25/2/2019
3	Đào Văn Nam		X	X		2021-2023	Học viện KHQS	01/7/2023
4	Phạm Văn Thắng		X	X		2021 - 2023	Học viện KHQS	01/7/2023
5	Nguyễn Trung Kiên		X	X		2022-2024	Học viện KHQS	Giấy xác nhận hướng dẫn học viên bảo vệ thành công ngày 24/6/2024
6	Nguyễn Tuấn Việt		X	X		2022-2024	Học viện KHQS	Giấy xác nhận hướng dẫn học viên bảo vệ thành công ngày 24/6/2024

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1	Giáo trình tiếng Nga hiện đại - Phần Ngữ âm-Từ vựng	GT	Học viện KHQS, 2001	3	Tham gia	34 - 52	Số 1681/GCN-HVKHQS ngày 10/6/2024
2	Giáo trình đọc hiểu tiếng Nga	GT	Học viện KHQS, 2002	5	Tham gia	35 - 66	Số 1682/GCN-HVKHQS ngày 10/6/2024
3	Giáo trình Lý thuyết tiếng Nga - Phần II	GT	Học viện KHQS, 2003	3	Tham gia	161 - 201	Số 1622/GCN-HVKHQS ngày 10/6/2024
4	Giáo trình Nghe tiếng Nga năm thứ 3,4	GT	Học viện KHQS, 2006	3	Tham gia	53 - 67	Số 1623/GCN-HVKHQS ngày 10/6/2024
5	Bài tập Dịch tiếng Nga	TK	Học viện KHQS, 2012	2	Tham gia	23 - 36	Số 1734 /GCN-HVKHQS ngày 18/6/2024
6	Giáo trình: Lý thuyết tiếng (Phần ngữ âm)	GT	Học viện KHQS, 2014	2	Chủ biên	3 - 33	Số 1624/GCN-HVKHQS ngày 10/6/2024
7	Русско-вьетнамский культурно-туристический разговорник Cẩm nang văn hóa du lịch Nga-Việt	TK	NXB Văn hóa-thông tin, 2014	4	Đồng chủ biên, tác giả 2	40 - 191	Số 1626/GCN-HVKHQS ngày 10/6/2024

II		Sau khi được công nhận PGS/TS					
8	Bài tập bổ trợ Dịch kinh tế	TK	Học viện KHQS, 2015	2	Tham gia	27 - 40	Số 1735/GCN- HVKHQS, ngày 18/6/2024
9	Tài liệu ôn luyện kỹ năng đọc,viết tiếng Nga dưới dạng đề thi trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu	TK	Học viện KHQS, 2017	3	Chủ biên	3 - 140	Số 1625/GCN- HVKHQS ngày 10/6/2024
10	Tài liệu ôn luyện kỹ năng đọc,viết tiếng Nga dưới dạng đề thi trình độ B1 theo khung tham chiếu Châu Âu	TK	Học viện KHQS, 2017	3	Tham gia	147 - 206	Số 1733/GCN- HVKHQS ngày 18/6/2024
11	Từ điển Công an Nga-Việt		NXB Công an nhân dân, 2018	17	Tham gia	176 - 599	Ngày 24/6/2024
12	Giáo trình Lý thuyết tiếng (Phần Từ vựng)	GT	Học viện KHQS, 2018	2	Tham gia	43 - 61	Số 1629/GCN- HVKHQS ngày 10/6/2024
13	Русские вопросительные предложения на коммуникативном и прагматическом аспектах	CK	NXB ĐHQGHN, 2024	1	Chủ biên		Số 1627/GCN- HVKHQS ngày 10/6/2024
14	Военная лексика и военные термины в русском языке в сопоставлении с вьетнамским	CK	NXB ĐHQGHN, 2024	1	Chủ biên		Số 1628/GCN- HVKHQS ngày 10/6/2024

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 02 sách chuyên khảo [II: 13], [II: 14]; 01 sách tham khảo [II: 9].

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1	Giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học kỹ năng nghe cho học viên văn bằng II tiếng Nga - Học viện KHQS	CN	Học viện	2012	22/5/2012 Xuất sắc
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
2	Phương pháp xây dựng giáo trình tiếng Nga giai đoạn cơ sở trong các trường quân đội	CN	Ngành/ BTTM	2014	30/01/2015 Xuất sắc
3	Cấu trúc bị động trong tiếng Nga và phương thức chuyển dịch sang tiếng Việt.	Tham gia	Học viện	2015	04/6/2015 Khá
4	Giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học kỹ năng đọc hiểu tiếng Nga giai đoạn cơ sở tại HVKHQS.	Tham gia	Học viện	2016	18/8/2016 Khá
5	Giải pháp nâng cao chất lượng dạy-học kỹ năng nghe tiếng Nga cho học viên đào tạo sỹ quan cấp phân đội giai đoạn cơ sở tại Học viện KHQS	CN	Ngành/ BTTM	2019	07/5/2020 Xuất sắc
6	Tăng cường hàm lượng quân sự cho tạp chí KHNNQS đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới	CN	ĐTCHV/2023-2024/P2-02, Học viện	2023	10/5/2024 Khá

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I Trước khi được công nhận PGS/TS								
1	Những nét đặc trưng về tính cách và tâm lý dân tộc thể hiện qua thành ngữ so sánh chứa từ <i>как</i> và <i>như</i> trong tiếng Nga và tiếng Việt	01		Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu (ISSN: 0868-3581)			Số 9 (168) - 2014, tr. 51-61	9/2014
II Sau khi được công nhận PGS/TS <i>Các bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành nước ngoài</i>								
2	Русские компаративные фразеологизмы со словом <i>как</i> и вьетнамские эквиваленты со словом <i>như</i> , обозначающие названия частей тела	01	x	Русский язык за рубежом ISSN: 0131-615X DOI: 10.37632/PI..2020.280.3.007 http://csl.isc.irk.ru/BD/Журналы/Русский%20язык%20за%20рубежом%202020/№%203/50-55.pdf			№ 3/2020 (280), tr. 50-55	2020
3	Русские компаративные фразеологизмы со словом <i>как</i> и вьетнамские эквиваленты со словом <i>như</i> , обозначающие природные и стихийные явления	01	x	Санкт-Петербургский политехнический университет Петра Великого ISSN 2227-8591. УДК 811.612.91 DOI: 10.18720/HUM/ISSN 2227-8591.38.03 https://tmhe.spbstu.ru/article/2021.25.3/	x Top 500		Вопросы методики преподавания в вузе. 2021. Том 10. № 38, tr. 25-38	2021
4	Пути формирования военной терминологии русского и вьетнамского языков	01	x	Русский язык за рубежом ISSN: 0131-615X DOI: 10.37632/PI..2021.287.4.007 https://elibrary.ru/item.asp?id=46			№ 4/2021 (287), tr. 54-58	2021

				534140				
5	Обучение чтению русскоязычных специальных текстов в военных учебных заведениях Вьетнама (на примере боевых документов)	01	x	Санкт-Петербургский политехнический университет Петра Великого, 2022 (ISSN 2297 - 8591) Teaching Methodology in Hingher Education. Vol.11.№2.2022. ASJC Scopus: Education 3304 OECD: 05.03.00 Educational sciences) Научная статья УДК 372.881.161.1 DOI: 10.57769/2227-8591.11.2.04 https://tmhe.spbstu.ru/article/2022.28.4/	x Top 500		Вопросы методики преподавания в вузе. Том 11. №2. 2022 Вузовская практика. ВАК: 5.8 Педагогика ГРНТИ: 140000.2022 Народное образование. Педагогика DOI: 10.57769/2227-8591.11.2.04, tr. 56-71	
6	Система воинских званий в Вооружённых силах РФ и Вьетнамской Народной Армии: структурно-семантические сходства и различия	01	x	Вестник НГУ. ISSN 1818-7935. Научный журнал. Основан в ноябре 1999 года Научная статья УДК 81 DOI: 10.25205/1818-7935-2022-20-2-49-63 https://lingngu.elpub.ru/jour/article/view/381			2022. Том 20. №2. Серия: Лингвистика и межкультурная коммуникация, tr. 49-63	2022
7	Комплекс упражнений для работы с военными эвфемизмами на занятиях по русскому языку продвинутого этапа курсантов военных учебных заведений Вьетнама	02	x	Санкт-Петербургский политехнический университет Петра Великого, 2023 ISSN 2297-8591 Вопросы методики преподавания в вузе. Вузовская практика. ВАК: 5.8 Педагогика ГРНТИ: 140000. Народное образование. Педагогика DOI: 10.57769/2227-8591.12.3.06 (ISSN 2297 - 8591) Teaching Methodology in Hingher Education. Vol.12.№3.2023. ASJC Scopus: Education	x Top 500		Том 12. №3. 2023, tr. 76-89	2023

				3304 OECD: 05.03.00 (Educational sciences) Научная статья УДК 372.881.161.1 DOI: 10.57769/2227- 8591.12.3.06 https://tmhe.spbstu.ru/author/7947/				
II	Sau khi được công nhận TS <i>Các báo cáo tại hội thảo khoa học quốc tế, quốc gia</i>							
8	Расхождения в фонетике русского и вьетнамского языков	01	x	Русский язык в социокультурном пространстве Вьетнама ISBN: 978-604-77-4650-7.			tr. 121-128	2018
9	Сопоставление русских компаративных фразеологизмов со словом <i>как</i> и вьетнамских эквивалентов со словом <i>như</i> , обозначающих образы животных	01	x	2018 International Graduate research symposium proceedings Linguistics foreign language education interdisciplinary fields ISBN: 978-604-62-6097-4.			tr. 45-57	2018
10	Компонент А, выражающий действия и состояния в русских компаративных фразеологизмах со словом <i>как</i> и вьетнамских эквивалентах со словом <i>như</i>	01	x	Русский язык в социокультурном пространстве Вьетнама ISBN: 9786047760978.			tr. 27 - 33	2019
11	Обучение использованию вопросительных предложений во вьетнамской аудитории: коммуникативной аспект	01	x	Вьетнамская русистика. ISBN: 978-604-80-6114-2			№ 26. Доклады международной научно-практической конференции “Актуальные проблемы аккультурации в контексте преподавании РКИ”, посвященной юбилею Г.Г.	2022

							Городиловой. Москва-Ханой, 18-19 февраля 2022 г., tr. 444 - 457	
12	Русские фамилии, генетически связанные с военным делом	01	x	VI Международная научно-практическая конференция “Языковая политика и вопросы гуманитарного образования” Сборник научных статей по материалам VI Международной научно- практической конференции г. Пенза, 25-26 марта 2022 г., ISBN: 978-5-907521-40-7.			tr. 46 - 52	2022
13	Đặc điểm của lớp từ vựng tiếng Nga về chủ đề dịch bệnh covid-19	01	x	Hội thảo ngữ học toàn quốc 2022: Ngôn ngữ học ứng dụng trong xu hướng hội nhập quốc tế. ISBN: 978-604-384-775-8.			tr. 15 - 21	2022
II	Sau khi được công nhận TS <i>Các bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước</i>							
14	Hình ảnh “con người” trong thành ngữ so sánh Nga-Việt	01	x	Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ Quân sự ISSN: 2525-2232			Số 01 – 5-2016, tr. 70 - 75	5/2016
15	Thành ngữ, tục ngữ Nga-Việt chứa thành tố chỉ loài chó, mèo	02	đồng tác giả, tác giả 2	Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ Quân sự ISSN: 2525-2232			Số 01 – 5-2016, tr. 80 - 85	5/2016
16	Прагматические особенности риторических вопросов в русском и вьетнамском языках	01	x	Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ Quân sự ISSN: 2525-2232			Số 02 – 7-2016, tr. 9 - 16	7/2016
17	Đặc trưng tính cách Nga dưới góc độ ngôn ngữ	02	đồng tác giả, tác giả 2	Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ Quân sự ISSN: 2525-2232			Số 03 – 9-2016, tr. 3 - 9	9/2016
18	Bình diện ngữ dụng của câu nghi vấn trong tiếng Nga	01	x	Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ Quân sự ISSN: 2525-2232			Số 04 – 11-2016, tr. 11 - 15	11/2016

19	Các yếu tố ngôn ngữ thể hiện tính chất mâu thuẫn trong tính cách Nga	02	x	Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ Quân sự ISSN: 2525-2232		Số 05 – 1-2017, tr. 10 - 18	01/2017
20	Nét đặc trưng về ngữ điệu Tiếng Nga và phương pháp giảng dạy ngữ điệu ở giảng đường Việt Nam	02	đồng tác giả, tác giả 2	Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ Quân sự ISSN: 2525-2232		Số 06 – 3-2017, tr. 21 - 29	3/2017
21	Nét đặc trưng ngôn ngữ của văn phong nói tiếng Nga	02	đồng tác giả, tác giả 2	Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ Quân sự ISSN: 2525-2232		Số 07 – 5-2017, tr. 3 - 9	5/2017
22	Các phương thức chuyển dịch ý nghĩa của giới từ tiếng Nga sang tiếng Việt	02	x	Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ Quân sự ISSN: 2525-2232		Số 08 – 7-2017, tr. 69 - 75	7/2017
23	Những nét đặc trưng cơ bản của văn phong báo chí tiếng Nga	02	x	Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ Quân sự ISSN: 2525-2232		Số 10 – 11-2017, tr. 3 - 10	11/2017
24	Сопоставление основных структурных моделей русских компаративных фразеологизмов со словом <i>как</i> и вьетнамских эквивалентов со словом <i>như</i>	01	x	Tạp chí Khoa học ngoại ngữ Trường Đại học Hà Nội. ISSN: 1859-2503		59/ 2019, tr. 5 - 16	2019
25	Đặc điểm của thuật ngữ quân sự tiếng Nga	01	x	Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ Quân sự ISSN: 2525-2232		Số 24 – 3-2020, tr. 3 - 11	3/2020
26	Đạy-học kỹ năng nghe tiếng Nga cho học viên đào tạo sỹ quan cấp phân đội giai đoạn cơ sở tại Học viện KHQS: Thực trạng và giải pháp	01	x	Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ Quân sự ISSN: 2525-2232		Số 26 – 7-2020, tr. 33 - 45	7/2020
27	Đặc điểm của các từ chỉ khái niệm mới trong tiếng Nga	01	x	Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống. ISSN 0868 - 3409		Số 3(323) 2022, tr. 52 - 57	2022
28	Đặc điểm của uyển ngữ trong lĩnh vực quân sự (Trên tư liệu tiếng Nga và tiếng Việt)	01	x	Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống. ISSN 0868 - 3409		Số 1(335) 2023, tr. 73 - 79	2023

29	Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá năng lực ngoại ngữ quân sự trong hệ thống nhà trường quân đội	02	x	Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ Quân sự ISSN: 2525-2232		Số 39 – 3-2023, tr. 99 - 109	3/2023
30	Đặc điểm của từ vựng quân sự tiếng Nga và phương thức chuyển dịch sang tiếng Việt	01	x	Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ Quân sự ISSN: 2525-2232		Số 41 – 9-2023, tr. 3 - 14	9/2023
31	Khẩu lệnh tiếng Nga được sử dụng trong cuộc thi “Xạ thủ bắn tỉa tại Hội thao quân sự quốc tế và các đơn vị tương đương trong tiếng Việt (Русские устные команды, поданные в конкурсе “Снайперский рубеж” в рамках международных армейских игр и вьетнамские аналоги”)	01	x	Tạp chí Khoa học ngoại ngữ Trường Đại học Hà Nội. ISSN: 1859-2503		số 77 (3/2024), tr. 3 - 15	3/2024
32	Đặc điểm ngôn ngữ của văn bản văn kiện tác chiến Lục quân tiếng Nga	01	x	Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống. ISSN 0868 - 3409		Số 3(351) 2024, tr. 45 - 53	2024
33	Tăng cường hàm lượng từ vựng quân sự cho tạp chí KHNNQS đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới	03	x	Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ Quân sự ISSN: 2525-2232		Số 43 - 3/2024, tr. 91 - 100	2024
34	Thành ngữ chứa từ вода, земля trong tiếng Nga và từ nước, đất trong tiếng Việt xét trên bình diện ngôn ngữ-văn hóa học	01	x	Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống. ISSN 0868 - 3409		Số 6A (354) 2024, tr. 80 - 86	2024

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 03 bài báo quốc tế uy tín; 03 bài trên tạp chí quốc tế và 05 bài đăng kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						

1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	CTĐT trình độ Thạc sĩ chuyên ngành ngôn ngữ Nga theo thông tư	Ủy viên	Số 222/QĐ-HVKHQ ngày 30/01/2018	HVKHQ	Số 3519/QĐ-HVKHQ ngày 29/11/2018	

số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo					

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Đoàn Thục Anh